

GRAZIA DELEDDA

GIẢI NOBEL VĂN HỌC NĂM 1926

NHỮNG CÂY SẬY TRONG GIÓ

Nhóm dịch Bestread.vn



LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1926, Grazia Deledda – nữ văn sĩ đến từ hòn đảo Sardegna xa xôi – trở thành người phụ nữ Ý duy nhất cho đến nay được trao Giải Nobel Văn học. Khi vinh danh bà, Viện Hàn lâm Thụy Điển đã khẳng định:

“Vì những tác phẩm lý tưởng, đầy cảm hứng, khắc họa một cách trong sáng đời sống con người nơi hòn đảo bà sinh ra, với chiều sâu và sự đồng cảm chân thành.”

Trong sự nghiệp sáng tác của Deledda, *Những cây sậy trong gió* (*Canne al vento*, 1913) được xem là kiệt tác tiêu biểu, góp phần trực tiếp đưa bà đến đỉnh vinh quang Nobel. Tác phẩm không chỉ là bức tranh nghệ thuật về phong tục, tín ngưỡng và đời sống khắc nghiệt của người dân Sardegna đầu thế kỷ XX, mà còn là một bi ca thấm đẫm trữ tình về

số phận con người trong vòng xoáy định mệnh, tội lỗi và niềm tin tôn giáo.

Nhân vật trung tâm – người đầy tớ Efix – mang trong mình gánh nặng tội lỗi, sống cùng ba bà chủ sa sút, tượng trưng cho cả một thế giới bị trói buộc bởi những luật lệ khắt khe của truyền thống và số phận. Từ câu chuyện đời thường ấy, Deledda cất lên tiếng nói sâu xa về kiếp người: mong manh như những cây sậy trước gió, cúi mình trước sức mạnh vô hình của định mệnh và của Chúa, nhưng trong chính sự khuất phục ấy vẫn le lói ánh sáng của lòng nhân, tình thương và niềm tin.

Với giọng văn kết hợp giữa hiện thực khắc khổ và chất thơ đậm cảm thức tôn giáo, *Những cây sậy trong gió* vừa là bức khắc họa đặc sắc của một vùng đất giàu truyền thống, vừa là áng văn triết lý – nhân sinh sâu xa. Tác phẩm tỏa sáng bởi sự đồng cảm nồng nàn mà Deledda dành cho những phận người

bé nhỏ, và cũng vì thế trở thành minh chứng rục rĩ cho tài năng đã đưa bà đến Nobel.

Hy vọng bản dịch tiếng Việt này sẽ đưa bạn đọc đến gần hơn với thế giới nghệ thuật của Grazia Deledda – nơi số phận, tội lỗi và niềm tin hòa quyện, vang vọng như tiếng thở dài bất tận của *những cây sậy trong gió*.

CHƯƠNG I.

Suốt cả ngày, Efix – người đầy tớ của các tiểu thư Pintor – đã miệt mài gia cố con đê sơ sài, vốn do chính tay ông dựng nên từng chút một qua bao năm tháng nhọc nhằn, dưới chân mảnh đất nhỏ ven sông. Khi chiều buông, ông ngồi trước túp lều, dưới bóng lau xám nơi lưng chừng ngọn đồi trắng xóa Colombi, lặng lẽ ngắm nhìn thành quả lao động của mình từ trên cao.

Mảnh đất ấy nằm yên bình dưới chân, thỉnh thoảng lấp lánh ánh nước trong bóng hoàng hôn. Efix coi nó là của mình hơn là của các bà chủ: ba mươi năm sở hữu và lao động đã khiến nó thực sự thuộc về ông. Hai hàng rào xương rồng khép kín từ sườn đồi xuống sông như hai bức tường xám ngoắt ngoèo, dường như trở thành ranh giới của cả thế giới.

Ông không nhìn ra ngoài mảnh đất, cũng bởi đất đai quanh đó xưa kia đều thuộc về các bà chủ. Hà có gì phải nhớ chuyện cũ? Nuối tiếc chỉ vô ích. Thà nghĩ đến tương lai, đặt niềm hy vọng vào sự phù hộ của Chúa.

Và Chúa hứa hẹn một năm mùa màng tốt tươi, hoặc ít ra cũng phủ đầy hoa trắng lên cảnh hạnh nhân và đào trong thung lũng. Thung lũng ấy, nằm giữa hai dãy đồi trắng, xa xa phía tây là núi lam, phía đông là biển cả, khoác lên mình thảm xuân mượt mát của nước, hoa và cỏ dại. Tựa hồ một chiếc nôi phủ khăn voan xanh, buộc dải lụa biếc, ru bằng tiếng nước sông róc rách đơn điệu, như khúc hát đưa một đứa trẻ vào giấc ngủ.

Nhưng ngày đã trở nên quá nóng. Efix nghĩ đến những cơn mưa dôn dập có thể khiến con sông dâng tràn, nổi lên như quái vật, cuốn phăng mọi thứ. Hy vọng – vâng – nhưng không thể chủ quan; phải luôn cảnh giác, như rặng sậy trên bờ dốc kia:

mỗi khi gió thổi, lá va vào nhau xào xạc, như lời cảnh báo về hiểm nguy.

Bởi vậy, ông đã làm việc suốt ngày. Giờ đây, trong lúc chờ màn đêm buông xuống, để khỏi phí thời gian, ông đan một tấm chiếu bằng sậy, vừa cầu xin Chúa cho công việc của mình thêm vững bền. Một con đê nhỏ thì có nghĩa gì, nếu Chúa không dùng ý muốn của Ngài biến nó thành rắn chắc như núi?

Bảy nhánh sậy đan chéo qua một cành liễu, bảy lời cầu nguyện dâng lên Chúa và Đức Mẹ Rimedio, phúc lành thay! Và kia, thấp thoáng nơi rìa xanh thẳm của hoàng hôn, ngôi nhà thờ nhỏ và cụm lều tranh, tĩnh lặng như một ngôi làng tiền sử bỏ hoang từ bao đời. Giờ phút ấy, khi vầng trăng nở ra như đóa hồng lớn giữa bụi rậm trên đồi và hương đại kích thoảng dọc bờ sông, các bà chủ của Efix cũng đang cầu nguyện. Bà Ester – người chị cả, phúc lành thay – hẳn vẫn nhớ đến kẻ tội lỗi này; chỉ thế

thôi cũng đủ khiến ông thấy mãn nguyện, bù đắp cho những nhọc nhằn của mình.

Một tiếng bước chân vọng lại từ xa khiến ông ngẩng đầu. Ông tưởng như nhận ra tiếng ấy: bước chân nhanh nhẹn, thoăn thoắt như của một đứa trẻ, như thiên thần vội vã mang đến tin vui cũng như tin buồn. Xin vâng ý Chúa – chính Ngài gửi đến cả ơn phúc lẫn tai ương. Nhưng lòng Efix bỗng run lên và những ngón tay rám nứt, khô cằn cũng run rẩy cùng những nhánh sậy ánh bạc dưới trăng, như những sợi nước lung linh.

Rồi tiếng bước chân im bật. Efix đứng bất động, chờ đợi.

Trước mặt ông, trăng dần lên và âm vang của buổi chiều báo hiệu ngày lao động đã khép lại: tiếng cuốc kêu đều đặn, tiếng dế sớm rí rả vài tiếng chim lạc loài, tiếng thở dài của lau sậy và tiếng nước sông chảy mỗi lúc thêm trong trẻo. Trên hết,

là một làn hơi thở bí ẩn dường như thoát ra từ chính mặt đất: ngày của con người đã hết, nhưng giờ bắt đầu cuộc sống huyền diệu của hồn ma, của tiên nữ và các linh thể lang thang. Những bóng ma của các Nam tước xưa, từ tàn tích lâu đài phía trên làng Galte bên trái đường chân trời, xuống lang thang dọc bờ sông săn lợn rừng, săn cáo: vũ khí họ lấp lánh giữa bụi liễu thấp, tiếng chó sủa thừa thốt vọng về báo hiệu sự hiện diện của họ.

Efix tưởng như nghe thấy tiếng động mà các *panas* gây ra khi giặt quần áo bên sông, đập chúng bằng ống chân người chết; và ông như thấy *l'ammattadore* – yêu tinh đội bảy chiếc mũ giấu kho báu – nhảy nhót dưới rừng hạnh nhân, bị ma cà rồng đuôi thép truy đuổi.

Ánh trăng làm lấp lánh cành cây, đá cuội dưới chân ông; và cùng với những linh hồn hiểm ác còn có những linh hồn trẻ thơ chưa được rửa tội – trắng muốt, bay lượn thành mây bạc phía sau mặt trăng.

Rồi hiện ra những người lùn và *janas*, những nàng tiên nhỏ bé, ban ngày ẩn trong nhà đá, dệt vải vàng trên khung cửi vàng, đêm đến múa nhảy dưới bóng dương xỉ lớn. Giữa núi đá bừng sáng trắng, người khổng lồ xuất hiện, nắm chặt dây cương của những con ngựa xanh khổng lồ – loài ngựa chỉ họ mới cười nổi – dò xét xem đâu đó có con rồng ẩn trong đồng cỏ đại kích độc hại, hoặc con rắn *cananèa* huyền thoại từ thời Chúa Kitô, đang trườn trên cát quanh đầm lầy.

Nhất là trong những đêm trăng sáng, muôn loài huyền bí ấy tràn ngập khắp đồi và thung lũng: con người không nên quấy rầy sự hiện diện của chúng, cũng như ban ngày chúng không quấy rầy con người. Đã đến lúc phải lui vào bóng tối, nhắm mắt dưới sự che chở của các thiên thần hộ mệnh.

Efix làm dầu thánh giá và đứng dậy; nhưng ông vẫn chờ đợi ai đó. Sau cùng, ông kéo tấm ván che

cửa lều, dựa vào đó một cây thánh giá lớn bằng sậy, để ngăn bước yêu tinh và những Cám Dỗ lọt vào.

Ánh trăng len lỏi qua khe hở, soi tỏ căn lều chật hẹp, thấp ở các góc, nhưng đủ rộng cho ông – người nhỏ thó và gầy gò như một cậu thiếu niên. Từ mái nhà hình chóp lợp sậy, che phủ tường đá khô, với một lỗ hổng giữa đỉnh để thoát khói, treo lủng lẳng những chùm hành, bó thảo mộc khô, những cây thánh giá bằng lá cọ và cành ôliu đã được ban phước, một cây nến sơn màu, một cái liềm để xua ma cà rồng và một túi lúa mạch chống lại *Panas*¹. Mỗi khi gió thổi, tất cả rung rinh, khiến những sợi tơ nhện lấp lánh dưới ánh trăng. Trên đất, chiếc bình nghiêng, quai tựa vào hông và chiếc nôi úp ngược ngủ yên bên cạnh.

Efix trải chiếu, nhưng không nằm. Ông ngỡ như còn nghe tiếng bước chân trẻ nhỏ; chắc chắn có ai đó đang đến. Quả vậy, bất chợt đàn chó sủa vang ở mấy nông trại gần đó và cảnh vật, mới vài

phút trước còn như chìm trong giấc ngủ giữa lời nguyện thầm, giờ rung động, vang vọng, như bùng tỉnh.

Efix mở cửa. Một bóng đen đang leo lên dốc, nơi luống đậu thấp ánh bạc trong trắng. Ông làm dấu thánh giá – bởi trong đêm, ngay cả bóng người cũng có vẻ bí ẩn. Nhưng rồi một giọng quen thuộc cất lên: tiếng trong trẻo, hơi thở gấp gáp của cậu bé nhà bên cạnh các bà Pintor.

— Chú Efisè! Chú Efisè!

— Có chuyện gì vậy, Zuannantò? Hai bà chủ của chú vẫn khỏe chứ?

— Dạ khỏe, cháu nghĩ thế. Hai bà chỉ sai cháu nhắn chú: mai về làng sớm, có việc cần bàn. Chắc vì lá thư màu vàng cháu thấy trong tay bà Noemi. Bà đang đọc, còn bà Ruth – đầu quấn khăn trắng như nữ tu – đang quét sân, nhưng bà dừng tay, dựa vào chôi, lắng nghe.

— Một lá thư ư? Cháu có biết của ai không?

— Không ạ. Cháu mù chữ. Nhưng bà cháu bảo, chắc của cậu Giacinto, cháu trai hai bà.

Vâng, Efix cũng cảm thấy như thế. Chắc chắn rồi. Tuy nhiên, ông vẫn trầm ngâm, gãi má, cúi đầu, vừa hy vọng vừa e ngại mình lắm.

Cậu bé mệt nhoài ngồi xuống phiến đá trước lều, tháo dây giày, rồi hỏi có gì ăn không.

— Cháu chạy như con nai, sợ ma quá!

Efix ngẩng khuôn mặt rám màu ôliu, cứng như mặt nạ đồng, nhìn cậu bằng đôi mắt xanh nhạt, sâu, đầy nếp nhăn; ánh nhìn ấy, sáng ngời, lại bộc lộ một nỗi âu lo trẻ con.

— Họ bảo chú về tối nay hay mai?

— Mai ạ! Khi chú về làng, cháu sẽ ở lại trông nông trại.

Người đầy tớ quen phục tùng chủ, chẳng hỏi thêm gì. Ông lấy một củ hành từ chùm, một mẫu

bánh lúa mạch từ túi vải thô; và trong khi cậu bé vừa ăn vừa bật cười vừa rơi nước mắt vì vị hăng cay của bữa ăn đạm bạc, họ lại tiếp tục trò chuyện. Những nhân vật quan trọng nhất của làng lần lượt đi qua câu chuyện: trước hết là Cha Sở, rồi đến chị gái của ngài; rồi Milese, kẻ từng gánh cam, bán chum, giờ là thương gia giàu có nhất làng, nhờ cưới con gái chị Cha Sở.

Tiếp đến là Don Predu – thị trưởng, anh họ của các bà chủ Efix. Don Predu cũng giàu, nhưng chưa bằng Milese. Rồi đến Kallina, mẹ cho vay nặng lãi, giàu có một cách bí ẩn.

— Trộm đã tìm cách phá tường nhà bà ấy. Vô ích thôi: tường có bùa rồi. Sáng nay, bà ấy đứng trong sân mà cười: “Dù có vào được thì cũng chỉ thấy tro và đing thôi. Nghèo như chính Chúa Kitô!” Nhưng bà tôi nói, thật ra di Kallina giấu một túi vàng trong tường.

Efix, thực lòng, chẳng mấy quan tâm. Nằm trên chiếu, một tay gãi nách, một tay kê má, ông nghe tim mình đập thình thịch và tiếng sậy trên bờ dốc xào xạc, nghe như tiếng thở dài của một linh hồn ác nghiệt.

Lá thư màu vàng! Màu vàng – màu điềm gở. Ai biết được tai ương gì đang chực chờ các bà chủ? Suốt hai mươi năm qua, hễ có biến cố phá vỡ sự tĩnh lặng của gia đình Pintor thì bao giờ cũng là một tai họa.

Cậu bé cũng đã nằm xuống, nhưng chẳng buồn ngủ.

— Bác Efix ơi, hôm nay bà cháu lại kể: các bà chủ của bác giàu nứt đổ đổ vách như Don Predu. Thật không?

— Thật, — người đầy tớ đáp, thở dài. — Nhưng chẳng phải lúc nhắc chuyện ấy. Ngủ đi.

Cậu bé ngáp dài:

— Nhưng bà cháu còn nói, từ khi phu nhân Maria Cristina – bà chủ cả đáng kính – qua đời, nhà bác như bị nguyên rủa. Thật không?

— Ngủ đi, ta bảo. Giờ không phải lúc...

— Để cháu nói đã! Tại sao bà Lia, bà chủ út của bác, lại bỏ trốn? Bà cháu bảo bác biết chuyện: rằng bác đã giúp bà Lia chạy, đưa bà ấy đến tận cây cầu, nơi bà ẵm náu, chờ một cỗ xe đi qua để ra biển, rồi xuống tàu. Và ông Zame, cha bà ấy, chủ nhân của bác, đã tìm, tìm mãi, cho đến khi chết. Ông chết ngay đó, bên cầu. Ai đã giết ông? Bà cháu bảo bác biết...

— Bà cháu là mụ phù thủy! Mụ ta và cháu, cháu và mụ ta, hãy để người chết yên! — Efix gắt; nhưng giọng ông khàn đặc. Cậu bé bật cười xắc xược.

— Đừng giận, bác Efix, giận hại thân. Bà cháu bảo: chính yêu tinh giết ông Zame. Thật không?

Efix không trả lời. Ông nhắm mắt, lấy tay bịt tai. Nhưng giọng cậu bé vẫn vang vẳng trong bóng tối, như chính tiếng thì thầm của những hồn ma quá khứ.

Và dần dần, tất cả hiện về qua từng khe hở ánh trăng: phu nhân Maria Cristina, xinh đẹp và tĩnh lặng như một vị thánh; ông Zame, đỏ mặt, dữ tợn như ác quỷ; bốn người con gái, gương mặt nhợt nhạt thừa hưởng vẻ thanh thản của mẹ, nhưng trong mắt rực lên ánh lửa của cha; cùng bảy gia nhân, họ hàng, bạn hữu, những kẻ từng qua lại trong ngôi nhà trù phú của dòng Nam tước xứ ấy. Rồi cơn gió bất hạnh thổi tới và tất cả tan tác, tản mát như mây trắng quanh trăng khi gió bắc ủa về.

Phu nhân Maria Cristina qua đời. Gương mặt nhợt nhạt của các cô con gái mất đi đôi phần thanh thản và ngọn lửa trong đáy mắt càng bùng cháy dữ dội. Ngọn lửa ấy cháy sáng hơn khi Don Zame, sau cái chết của vợ, ngày càng mang dáng dấp độc đoán

của tổ tiên Nam tước và cũng như họ, ông giam cầm bốn cô con gái trong nhà như những kẻ nô lệ, chỉ chờ những người chồng xứng đáng với dòng dõi mình.

Họ, như những nô lệ, phải làm việc không ngơi: làm bánh, dệt vải, may vá, nấu nướng, giữ gìn từng món đồ trong nhà. Trên hết, họ không được ngược mắt nhìn đàn ông, cũng không được nghĩ đến ai khác ngoài người chồng tương lai định sẵn. Nhưng năm tháng trôi qua, vẫn chẳng thấy một tám chồng nào. Càng thấy con gái thêm tuổi, Zame càng nghiêm khắc, khắt khe. Khốn thay cho cô nào bị bắt gặp dừng chân ở khung cửa hẹp nhìn ra con hẻm sau nhà, hay lên ra ngoài mà không có phép: ông sẽ đánh đập, chửi rủa và thề giết bất kỳ chàng trai nào dám qua lại trước cửa hai lần.

Còn chính ông thì rong ruổi khắp làng, hoặc ngồi chồm hồm trên ghế đá trước cửa tiệm của chị gái vị cha xứ. Người ta lảng tránh khi thấy ông, vì

quá sợ cái lưỡi độc địa của ông. Ông gây sự với tất cả, ghen ghét hạnh phúc của người khác đến nỗi mỗi lần đi ngang một mảnh đất phì nhiêu, ông đều nguyên rủa: “Mong kiện tụng sẽ xé nát mày ra.” Và rồi kiện tụng đã xé nát chính gia sản của ông, khi tai ương giáng xuống như sự trừng phạt của Chúa dành cho tính kiêu căng và định kiến.

Donna Lia, con gái thứ ba, một đêm bỗng biến mất. Lâu dài chẳng ai biết tung tích cô. Bóng đen nhục nhã bao phủ ngôi nhà: chưa bao giờ làng chứng kiến vụ bê bối nào như thế – một thiếu nữ được nuôi dạy trong gia đình quý tộc lại bỏ trốn!

Don Zame phát điên. Ông điên cuồng lùng sục khắp nơi, dọc vùng đồng bằng, dọc bờ biển, để tìm Lia. Nhưng không ai hay tin gì. Cuối cùng, Lia viết thư cho các chị, nói rằng mình an toàn, hạnh phúc vì đã thoát khỏi xiềng xích. Nhưng các chị không tha thứ, không hồi âm.

Don Zame càng độc đoán, càng bạo tàn. Ông bán nốt những gì còn lại, ngược đãi kẻ hầu, làm phiền khắp thiên hạ với tiếng than vãn, mãi miết đi lại với hy vọng tìm lại con. Sự ô nhục vì Lia đè nặng lên ông và gia đình, nặng như chiếc áo tử tù. Một sáng, người ta tìm thấy ông chết trên cây cầu ngoài làng. Có lẽ ông ngã quy, không vết thương nào, ngoài một vết xanh lục dưới gáy. Người ta đồn ông bị đánh, rồi dần dần tin rằng ông chết vì đau khổ vì con gái bỏ trốn.

Trong khi ấy, Lia viết tin báo hôn nhân. Chồng cô là một thương nhân buôn gia súc, tình cờ gặp trong cuộc trốn chạy. Họ ở Civitavecchia, sống tương đối đầy đủ và sắp có con. Nhưng tin ấy càng khiến các chị phẫn nộ: cuộc hôn nhân tầm thường, kết trái trong cảnh nhục nhã, họ không hỏi âm. Rồi Lia lại báo tin sinh con trai, đặt tên Giacinto. Các dì gửi quà, nhưng không viết lời nào cho người mẹ.

Năm tháng qua đi. Giacinto lớn dần, mỗi dịp Phục sinh, Giáng sinh lại viết thư cho các dì. Khi thì cậu kể việc học, khi thì mong gia nhập hải quân, khi thì đã tìm được việc làm. Sau đó là tin cha qua đời, rồi mẹ cũng mất. Cuối cùng, cậu bày tỏ nguyện vọng sang Sardegna, sống với các dì, nếu tìm được việc. Công việc nhỏ bé ở Hải quan không làm cậu hài lòng: tầm thường, vất vả, bào mòn tuổi trẻ. Cậu khát khao đời lao động giản dị nhưng tự do. Bạn bè khuyên cậu sang đảo quê mẹ, thử vận may bằng công việc lương thiện.

Ba chị em bàn bạc. Càng bàn, càng bất đồng.

— Làm việc ư? — bà Ruth, điềm tĩnh nhất, nói.
— Ngay cả dân làng còn chẳng kiếm sống nổi kia mà.

Bà Ester thì ủng hộ, còn bà Noemi, trẻ nhất, chỉ lạnh lùng mỉm cười chế nhạo:

— Có lẽ hẳn tưởng đến đây để làm ông chủ. Cứ đến đi! Rồi ra sông mà giăng lưới...

— Chính nó viết rằng muốn làm việc, Noemi à. Vậy thì nó sẽ làm: nó sẽ buôn bán như cha nó.

— Họ hàng nhà ta nào từng buôn trâu bò!

— Thời thế đổi rồi, Noemi! Giờ nhà buôn mới là quý tộc. Em thấy Milese không? Hẳn bảo: “Bây giờ chính tôi mới là Nam tước Galte.”

Noemi bật cười, đôi mắt sâu thẳm lóe sáng lạnh lùng và tiếng cười ấy làm Ester chùn bước hơn mọi lời lẽ.

Ngày ngày, cái tên Giacinto vẫn vang lên khắp nhà và ngay cả khi ba chị em im lặng, cậu dường như vẫn hiện diện, như từ khi chào đời đến nay, bóng dáng vô hình ấy lấp đầy sức sống cho ngôi nhà đổ nát.

Efix không nhớ mình từng dự vào những cuộc tranh cãi của các bà chủ. Ông không dám – vì họ

chẳng hỏi – và cũng không muốn, vì sợ day dứt lương tâm. Nhưng trong lòng, ông mong chàng trai sẽ đến. Ông yêu quý cậu, yêu như ruột thịt. Sau cái chết của Don Zame, ông ở lại với ba người đàn bà, giúp họ giải quyết rồi ren. Bị họ hàng xa lánh, bị xã hội khinh miệt, ba chị em chỉ biết đến việc nhà, chẳng hay quản lý chút tài sản ít ỏi.

“Ta sẽ ở lại thêm một năm nữa,” ông từng nói, cảm động trước cảnh bơ vơ của họ. Và rồi ông ở lại hai mươi năm.

Ba người đàn bà sống nhờ hoa lợi từ mảnh đất do ông canh tác. Vào những năm mất mùa, khi đến kỳ trả công – ba mươi scudi một năm và một đôi giày – bà Ester lại nói:

— Hãy kiên nhẫn, vì tình yêu Chúa. Phần của anh sẽ không thiếu đâu.

Và ông kiên nhẫn. Nợ chồng chất theo từng năm, đến mức Ester, nửa đùa nửa thật, hứa sẽ để lại

cho ông mảnh đất cùng căn nhà, dù ông già hơn cả ba người.

Già nua, yếu ớt, nhưng vẫn là một người đàn ông: và chỉ bóng dáng ông thôi cũng đủ che chở ba người đàn bà. Giờ đây, chính ông lại mơ cho họ một vận may. Biết đâu bức thư màu vàng kia, sau hết, lại mang tin lành? Biết đâu đó là một khoản thừa kế? Hay là một lời cầu hôn cho Noemi? Nhà Pintor vẫn còn họ hàng giàu có ở Sassari, ở Nuoro: tại sao một người trong số ấy không cưới Noemi? Biết đâu chính Don Predu là người viết thư?

Và trong trí tưởng tượng mệt mỏi của người đầy tớ, cảnh vật đổi thay như từ đêm sang ngày: tràn ngập ánh sáng, ngọt ngào. Các bà chủ cao quý trẻ lại, vút bay như đại bàng mọc cánh mới; ngôi nhà từ tro tàn vươn lên và quanh đó, mùa xuân lại nở hoa.

Còn ông, người đầy tớ khốn khổ, chẳng mong gì hơn là lui về mảnh vườn nhỏ, sống nốt quãng đời, trái chiếu nằm nghỉ cùng Chúa, trong khi giữa tịch mịch, bụi sậy khẽ xào xạc lời kinh của đất đai chìm vào giấc ngủ.